

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang, TP Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
ĐT: (0211) 3720945, Fax: (0211) 3845944



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Vĩnh Phúc, tháng 11 năm 2020**



## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

Tên giao dịch tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC  
Tên viết tắt : VPID  
Tên giao dịch tiếng Anh : Vinh Phuc Infrastructure Development Joint Stock Company  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (MSDN) số: 2500222004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/6/2003, cấp thay đổi lần 20 ngày 04/03/2019  
Vốn điều lệ: 183.513.510.000 đồng  
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 183.513.510.000 đồng  
Mã chứng khoán : IDV

Logo :   
Địa chỉ : Khu công nghiệp Khai Quang – TP Vinh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc  
Điện thoại : (0211) 3720 945 Fax: (0211) 3845 944  
Email : [idv@vpid.vn](mailto:idv@vpid.vn)  
Website : [www.vpid.vn](http://www.vpid.vn)

#### **❖ Quá trình hình thành và phát triển**

- Ngày 16/06/2003: Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 9.999.000.000 đồng.
- Ngày 04/03/2019, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 183.513.510.000 đồng thông qua các đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông và phát hành ESOP cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty đã được UBCK Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng ngày 01/10/2009; được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 43/GCN-SGDHN ngày 18/5/2010 và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu IDV trên sàn HNX vào ngày 01/06/2010.

#### **❖ Các mốc sự kiện:**

- ✚ Ngày 3/8/2011: Thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam cụ thể như sau:
  - Vốn điều lệ ban đầu: 18,0 tỷ đồng
  - Vốn điều lệ hiện nay: 45,0 tỷ đồng
  - Mã số doanh nghiệp: 0700540547 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 3/8/2011, cấp thay đổi lần 1 ngày 20/08/2014.
  - Địa chỉ: Lô KT - KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
  - Điện thoại: 84-(351) 6 252 137 Fax: (0351) 6 252 138
  - Nhiệm vụ chính: Chủ đầu tư KCN Châu Sơn, tỉnh Hà Nam
- ✚ Ngày 19/10/2011: Thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội cụ thể như sau:
  - Vốn điều lệ: 18,0 tỷ đồng
  - Mã số doanh nghiệp: 0105578158 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/2011, cấp thay đổi lần 3 ngày 24/4/2014.
  - Địa chỉ: Tầng 04 khu văn phòng sân tập Golf Phương Đông – phố Tân Mỹ - phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
  - Nhiệm vụ chính: Được Công ty mẹ giao đầu tư tài chính đối với các công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán;

+ Ngày 07/12/2017: Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội đã hoàn thiện thủ tục giải thể và chính thức dừng hoạt động.

+ Ngày 12/09/2019: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ: 20,6 tỷ đồng

- Mã số doanh nghiệp: 2500635202 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/09/2019.

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang – TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc

- Nhiệm vụ chính: Đầu tư xây dựng nhà xưởng và kho cho thuê

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) và các dịch vụ trong KCN (xử lý nước thải,...)

- Địa bàn kinh doanh chính:

+ KCN Khai Quang - Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ KCN Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **❖ Mô hình quản trị:**

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) được vận hành theo mô hình quản trị công ty mẹ - con, bao gồm công ty mẹ và 02 công ty trực thuộc là:

- Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam (HVPID), 100% vốn chủ sở hữu của công ty mẹ

- Công ty CP VPID Vĩnh Phúc, 70% vốn chủ sở hữu của công ty mẹ

### **❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:**

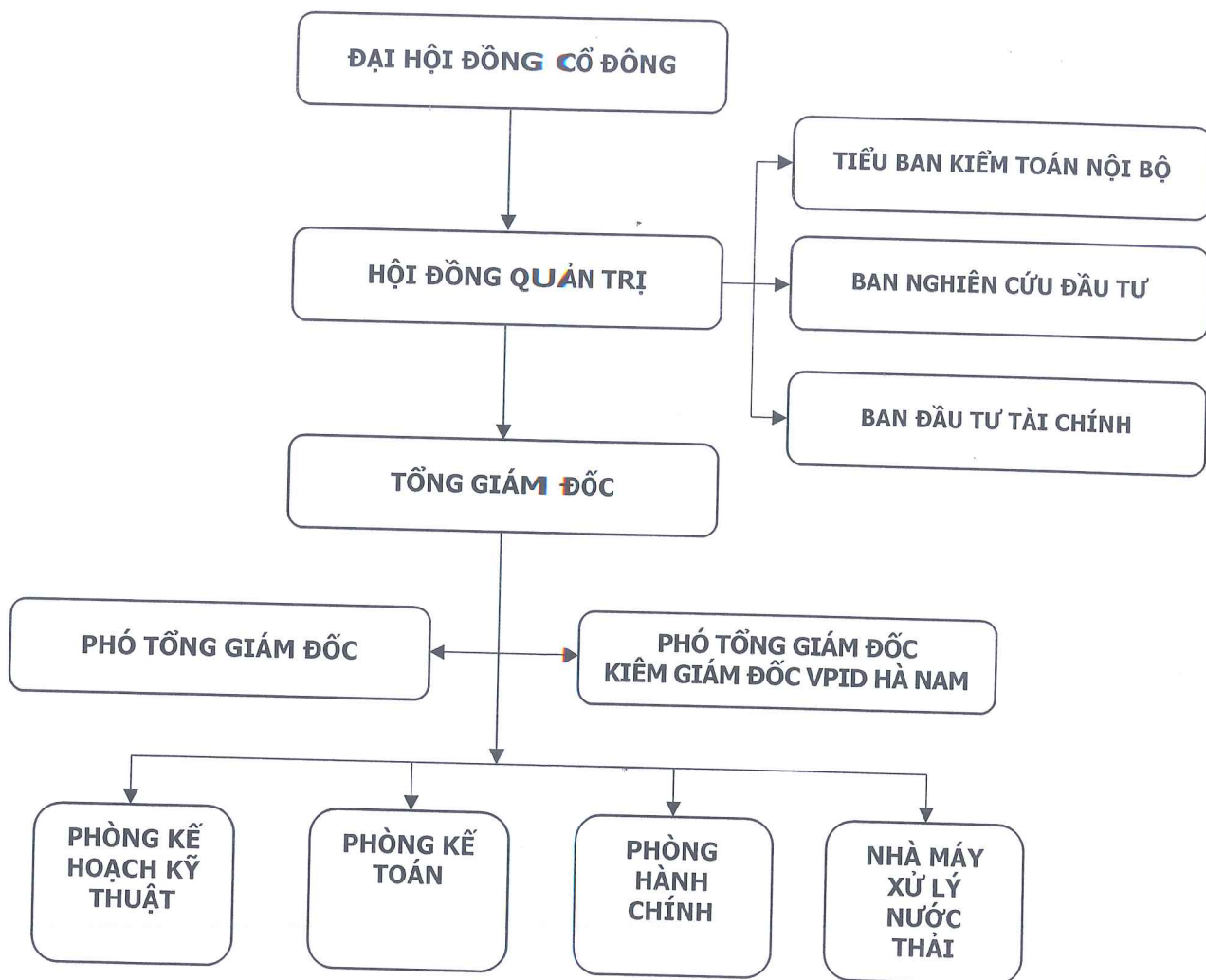
Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các dự án KCN mà Công ty làm chủ đầu tư và các dự án Công ty góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đại hội đồng cổ đông: tại thời điểm ngày ĐKCC (10/09/2020) chốt danh sách cổ đông nhận nhằm xin ý kiến cổ đông bằng văn bản là 517 cổ đông;

- Tính đến thời điểm 30/9/2020:

- Hội đồng Quản trị: Tính đến 30/9/2020, HĐQT của Công ty gồm 07 thành viên (06 thành viên không tham gia ban điều hành trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập, 01 thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám đốc);
- Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ - trực thuộc HĐQT: Gồm 02 thành viên
- Tiểu Ban Nghiên cứu đầu tư - trực thuộc HĐQT: Gồm 02 thành viên
- Tiểu Ban Đầu tư tài chính - trực thuộc HĐQT: Gồm 03 thành viên
- Ban Tổng Giám đốc: Gồm 04 thành viên
- Các phòng ban trực thuộc Công ty.

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY**



❖ Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ dự án	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn đăng ký (tỉ VNĐ)	Số tiền VPID đã góp	Tỷ lệ tham gia (%)
<b>I</b>	<b>Các đơn vị trực thuộc (công ty con):</b>			<b>45</b>	<b>45</b>	
1	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	Phủ Lý, Hà Nam	Kinh doanh BĐS (Đầu tư XD và KD hạ tầng khu, cụm CN, xây dựng nhà xưởng cho thuê); Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom xử lý chất thải rắn.	45	45	100
<b>II</b>	<b>Các công ty liên doanh, liên kết:</b>			<b>107</b>	<b>93,61</b>	
1	Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Hà Nam	Kinh doanh BĐS (Đầu tư XD và KD hạ tầng khu, cụm CN)	303	92,73	20
2	Công ty CP Trung Anh	Hà Nội	Đào tạo và thực hành dịch vụ Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	50	30	30
	<b>Cộng (I + II)</b>			<b>353</b>	<b>122.73</b>	

#### 4. Định hướng phát triển:

##### ❖ Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện phần còn lại của hệ thống hạ tầng KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn, cung cấp dịch vụ hạ tầng KCN ở mức tốt nhất cho các doanh nghiệp tại KCN do Công ty làm chủ đầu tư, tạo uy tín để thu hút đầu tư tăng tỉ lệ lấp đầy tại KCN Khai Quang, Châu Sơn và dự án mới trong tương lai;
- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên, tăng lợi tức cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

##### ❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư mở rộng và phát triển các dự án mới (ưu tiên lĩnh vực kinh doanh lõi) đạt hiệu quả ổn định để phát triển theo xu hướng bền vững.
- Phát triển hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ và các công ty thành viên: Triển khai xây dựng hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng khu công nghiệp, tiến tới hoàn thiện chuỗi liên kết cung cấp dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp, nước thải nguy hại, tái chế phế thải, xử lý chất thải rắn công nghiệp, nguy hại.
- Sàng lọc lại các dự án Công ty đã góp vốn đầu tư để việc đầu tư, sử dụng nguồn vốn hợp lý đạt hiệu quả cao nhất.

##### ❖ Mục tiêu phát triển bền vững:

- Công ty luôn quan tâm và có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tại các khu công nghiệp mà Công ty làm chủ đầu tư, việc xây dựng và kinh doanh hệ thống hạ tầng phục vụ các doanh nghiệp sản xuất đã gắn chặt với công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, hệ thống cây xanh phong phú, khống chế tốt khí bụi, tiếng ồn, tiến tới xử lý nguồn rác thải công nghiệp, nguy hại cho các doanh nghiệp sản xuất trong KCN.
- Luôn hướng tới việc thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực ít gây ô nhiễm môi trường.
- Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng bằng những đợt tham gia vận động hỗ trợ các tổ chức từ thiện ở địa phương.

#### 5. Các rủi ro:

Hiện nay Công ty đã đầu tư vào các dự án bất động sản (BDS): BDS công nghiệp, BDS du lịch sinh thái và kinh doanh cổ phiếu, nên các yếu tố rủi ro có thể xảy ra là:

- Lĩnh vực kinh doanh BDS công nghiệp: Hiệu quả ổn định, mức độ rủi ro phụ thuộc vào chính sách ưu đãi đầu tư vào các KCN của Nhà nước;
- Lĩnh vực kinh doanh BDS sinh thái: Rủi do vẫn tiềm ẩn do thị trường BDS này đang gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết hàng tồn kho;
- Lĩnh vực kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu: Mức độ rủi ro lớn do thị trường còn thiếu minh bạch.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2020

Các chỉ tiêu chính về quy mô, doanh thu, lợi nhuận, chi trả cổ tức cho các cổ đông năm 2020, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (Tỷ đồng)	Kế hoạch 2020 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2020 (Triệu đồng)	Thực hiện/kế hoạch 2020 (%)
1	Tổng tài sản	920.62	1,015	1,260.8	124,2%
2	Doanh thu	163.45	264	220.4	83.5%

3	Lợi nhuận sau thuế	98.37	151.67	210.1	132.6%
---	--------------------	-------	--------	-------	--------

## 2. Tổ chức và nhân sự

⚡ Danh sách Ban điều hành tính đến 30/9/2020:

- 1/ Ông Lê Tùng Sơn – Tổng Giám đốc
- 2/ Ông Nguyễn Anh Đệ – Phó Tổng Giám đốc
- 3/ Ông Phạm Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam
- 4/ Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kế toán trưởng

⚡ Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ban điều hành Công ty gồm có 04 thành viên. Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (là cổ đông sáng lập), 01 phó Tổng Giám đốc thường trực, 01 phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam (công ty con) và Kế toán trưởng.

⚡ Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng: Chi tiết tại Phụ lục 1.

⚡ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 10/09/2020 (số liệu năm 2019 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 22/11/2019), tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên BDH, Kế toán trưởng như sau:

TT	Thành viên BDH	Chức vụ	Năm 2019		Năm 2020		% Thay đổi
			SL CP	SL CP	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Lê Tùng Sơn	TGD	599.943	3,59%	631.266	3,71%	0,12%
2	Nguyễn Anh Đệ	P.TGD	0	0,00%	21.550	0,13%	0,13%
3	Phạm Trung Kiên	P.TGD	38.567	0,23%	42.749	0,25%	0,02%
4	Nguyễn Thị Hoàn	KTT	5.398	0,03%	32.962	0,19%	0,15%
	<b>Tổng</b>		<b>643.908</b>	<b>3,85%</b>	<b>728.527</b>	<b>4,28%</b>	

⚡ Số lượng cán bộ, nhân viên toàn công ty (công ty mẹ, các công ty con):

Trình độ	Số lượng (người)		Tổng	Tỷ lệ (%)
	VPID Khai Quang	VPID Hà Nam		
Trên Đại Học	1	0	1	1,3%
Đại Học, Cao đẳng	18	12	30	38,4%
Trung Cấp	5	1	6	8,2%
Công Nhân Kỹ Thuật & lao động khác	30	8	38	52%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54</b>	<b>21</b>	<b>75</b>	<b>100%</b>
Thu nhập bình quân 2020	~13,1 triệu đồng/người/tháng			

⚡ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ chính sách cho người lao động theo Hợp đồng lao động và các quy định của Nhà nước;
- Cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp của công ty, tạo động lực tốt cho người lao động làm việc tích cực, ổn định, gắn bó vì sự phát triển của công ty.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2020, VPID tiếp tục tập trung đầu tư tại 2 KCN Khai Quang và Châu Sơn, đồng thời tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án mới phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty tại các địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hà Nam, Hải Dương,...



- Tại KCN Khai Quang: Tập trung công tác duy trì hoạt động KCN, tiếp tục cho thuê các diện tích đất công nghiệp còn lại và thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng tạo nguồn đất sạch cho thuê; Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải các doanh nghiệp, đầu tư thiết bị tại nhà máy XLNT theo quy định của pháp luật.
- KCN Châu Sơn: Thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng tạo nguồn đất sạch cho thuê, hoàn thiện xây dựng hạ tầng và đẩy mạnh công tác cho thuê đất tại phần diện tích KCN cũ và KCN mở rộng.

### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

#### a/ Công ty con:

❖ **Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam:** Là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Tình hình hoạt động triển khai dự án: Dự án đang dần hoàn thiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật đối với diện tích mở rộng, khai thác vận hành phục vụ các doanh nghiệp đang hoạt động, đẩy mạnh công tác cho thuê lại đất các phần diện tích đất còn lại của khu công nghiệp.

- Địa điểm đầu tư dự án: Phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Quy mô diện tích dự án: 170,5 ha. Đền bù GPMB lũy kế đến thời điểm hiện tại đạt 149,24/170,5 ha (87,5%).

- Thu hút đầu tư: Trong năm 2020, VPID Hà Nam đã ký hợp đồng với 09 công ty (FDI: 07, trong nước: 02), tổng diện tích đất cho thuê: 25,1 ha.

- Tỷ lệ lấp đầy đạt 82,7%.

#### b/ Các công ty liên kết:

❖ **Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam:**

- VPID hiện đang nắm giữ 20%, số tiền Công ty đã đầu tư vào dự án là 92,73 tỷ đồng.

- Trong năm, Công ty nhận được cổ tức được chia từ Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III số tiền là 22,03 tỷ đồng.

❖ **Công ty cổ phần Trung Anh**

Tình hình hoạt động: Đang trong giai đoạn đầu tư chưa có doanh thu.

### 4. Tình hình tài chính của Công ty:

#### 4.1. Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng, giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	921,124	1,260,882	36.9%
2	Vốn chủ sở hữu	270,022	423,753	56.9%
3	Doanh thu thuần	124,524	220,410	77.0%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	117,360	233,660	99.1%
5	Lợi nhuận khác	(4,437)	(72)	-98.4%
6	Lợi nhuận trước thuế	112,922	233,588	106.9%
7	Lợi nhuận sau thuế	98,370	210,142	113.6%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5,478	11,785	115.1%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của VPID

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng, giảm (%)
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			

	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn):	4,51	4.28	-22.5%
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	3,51	3.76	24.9%
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0.66	-4.6%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,41	1.98	-43.5%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	0,92	0.98	6.2%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,13	0.17	4.5%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,79	0.95	16.3%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,36	0.50	13.6%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0.17	5.7%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,94	1.06	12.0%

#### 4.3. Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng giảm
<b>Cơ cấu tài sản:</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,45	0.46	1.2%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	0,55	0.54	-1.2%
Tỷ số nợ / Tổng tài sản	0,71	0.66	-4.6%
<b>Cơ cấu nguồn vốn:</b>			
Tỷ số nợ / Vốn chủ sở hữu	2,41	1.98	-43.5%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,71	0.66	-4.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,29	0.34	4.6%
<b>Tỷ suất lợi nhuận:</b>			
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	0,11	0.17	5.7%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	0,36	0.50	13.6%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,79	0.95	16.3%

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1. Cổ phần:

Tính đến ngày 30/09/2020, vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ:	183.513.510.000	VND
- Khối lượng cổ phiếu đã niêm yết:	18.351.351	Cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ:	1.347.300	Cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành:	17.004.051	Cổ phiếu

Trong đó: Có 17.004.051 cổ phiếu được tự do chuyển nhượng và 1.347.300 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

##### 5.2. Cơ cấu cổ đông:



- Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 10/09/2020 thì cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Diễn giải	Năm 2019		Năm 2020	
		Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP	Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP
<b>1</b>	<b>Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:</b>	<b>404</b>	<b>100%</b>	<b>517</b>	<b>100%</b>
	Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số CPPT	5	44.78%	5	47.51%
	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% tổng số CPPT	11	28.29%	11	26.29%
	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP	388	26.93%	501	26.20%
<b>2</b>	<b>Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:</b>	<b>404</b>	<b>100%</b>	<b>517</b>	<b>100%</b>
	Tổ chức (trong nước, nước ngoài)	15	12.71%	15	15.32%
	Cá nhân (trong nước, nước ngoài)	389	87.29%	502	84.68%
<b>3</b>	<b>Cổ đông trong nước và nước ngoài:</b>	<b>404</b>	<b>100%</b>	<b>517</b>	<b>100%</b>
	Cổ đông trong nước (tổ chức, cá nhân)	380	86.23%	492	83.66%
	Cổ đông nước ngoài (tổ chức, cá nhân)	24	13.77%	25	16.34%
<b>4</b>	<b>Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:</b>	<b>404</b>	<b>100%</b>	<b>517</b>	<b>100%</b>
	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0
	Cổ đông khác (Không phải CĐ nhà nước)	404	100%	517	100%

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Trong năm Công ty đã thực hiện 01 lần phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ nguồn cổ phiếu quỹ:

Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Ngày báo cáo kết quả phát hành
Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động	1.647.300	300.000	1.347.300	01/04/2020

**5.5 Các chứng khoán khác:** Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

**6.2 Tiêu thụ năng lượng:**

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn nhà đầu tư mua điện từ EVN, công ty không quản lý trực tiếp.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

+ Đối với trách nhiệm là chủ đầu tư, Công ty đã chú trọng xây dựng theo hướng thân thiện và bền vững, sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như: bóng đèn led tiết kiệm điện, hệ thống bình nước nóng năng lượng mặt trời. Đối với khối văn phòng: Hạn chế sử dụng điện và các

thiết bị điện trong giờ cao điểm, sử dụng thiết bị ít tiêu tốn năng lượng, tắt các thiết bị khi không sử dụng.

+ Đối với việc tiết kiệm năng lượng tiêu hao của các nhà đầu tư trong KCN thì tùy thuộc vào đặc điểm quy trình sản xuất và kế hoạch sử dụng năng lượng của từng nhà đầu tư, công ty không kiểm soát được.

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

- Các KCN của Công ty đều sử dụng nước sạch do công ty nước cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống nước thải tập trung của KCN. KCN không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Các KCN của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định về bảo vệ môi trường.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Tổng số người lao động trong Công ty là 73 người, mức lương trung bình là 13,1 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm cho cán bộ nhân viên (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn,...), chăm lo sức khỏe cho người lao động (trang bị đầy đủ bảo hộ lao động,...). Các chế độ khen thưởng luôn kịp thời tùy thuộc vào tình hình tài chính công ty. Thưởng các ngày lễ lớn như: Tết Nguyên đán, Tết Dương lịch, thưởng 2/9, 1/5. Ngoài ra hàng năm đều tổ chức các đợt du lịch cho người lao động.

### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Công ty tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ, hỗ trợ, từ thiện tại các địa phương Công ty đang hoạt động

### **6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: không có**

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:**

#### **1.1. Kết quả thực hiện so với kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2020:**

##### **a/ Ưu điểm:**

- Về công tác quản lý điều hành Công ty: Năm 2020, Ban điều hành đã chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Về công tác phối hợp với các bộ phận trong công ty: Hội Đồng Quản Trị - Ban Tổng Giám Đốc hoạt động thường xuyên và gắn kết hơn: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành; Chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc duy trì giao ban một lần/tháng để đánh giá công việc đã thực hiện trong tháng, kế hoạch thực hiện tháng tiếp theo nhằm thực hiện tốt nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Tại KCN Khai Quang: Vận hành tốt hệ thống hạ tầng phục vụ doanh nghiệp, giám sát công tác bảo vệ môi trường trong KCN, tiếp tục cho thuê những diện tích đất đã được giao.

- Tại KCN Châu Sơn: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng đối với những phần diện tích đã được giao (vị trí cũ và vị trí mở rộng), tích cực trong công tác cho thuê đất và hoàn thành kế hoạch cho thuê đất năm 2020 đề ra.

- Kết quả kinh doanh năm 2020 đều đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra, trong đó doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng lần lượt ~77% và ~114% so với năm 2019.

- Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền của năm 2019 với tỷ lệ 30% (15% tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu).

##### **b/ Nhược điểm:**

- Triển khai chậm một số chỉ tiêu theo kế hoạch của năm như giải phóng mặt bằng lô CN17 và CN 18 thuộc địa phận phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, xã Quất Lưu, Huyện Bình Xuyên, công nợ tồn đọng xử lý chậm;
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu;

### 1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Sau 17 năm thành lập và hoạt động (2003 -2020) công tác quản trị, điều hành công ty đã được cải tiến, tạo được thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp.
- Năm 2019 Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông 30%/năm.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản:

Tổng hợp tài sản, nguồn vốn từ đầu năm đến cuối kỳ kế toán (01/10/2019 đến 30/09/2020)

Đvt: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tại 01/10/2019	Tại 30/09/2020	Tăng, giảm (%)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>438,481</b>	<b>582,447</b>	<b>33%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	14,733	6,231	-58%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	342,046	461,115	35%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	43,120	38,923	-10%
4	Hàng tồn kho	32,622	71,424	119%
5	Tài sản ngắn hạn khác	5,961	4,754	-20%
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>482,643</b>	<b>678,435</b>	<b>41%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	114,240	188,753	65%
2	Tài sản cố định	48,612	84,251	73%
3	Bất động sản đầu tư	-	-	
4	Tài sản dở dang dài hạn	73,422	38,567	-47%
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	166,735	238,438	43%
6	Tài sản dài hạn khác	79,634	128,426	61%
	<b>Tổng tài sản (I + II)</b>	<b>921,124</b>	<b>1,260,882</b>	<b>37%</b>
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>92,103</b>	<b>135,957</b>	<b>48%</b>
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19,832	24,487	23%
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>558,999</b>	<b>701,173</b>	<b>25%</b>
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	546,863	677,723	24%
2	Phải trả dài hạn khác	-	-	
3	Vay và nợ dài hạn	12,136	23,449	93%
<b>III</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>270,022</b>	<b>423,753</b>	<b>57%</b>
	<b>Tổng nguồn vốn (I+II+III)</b>	<b>921,124</b>	<b>1,260,882</b>	<b>37%</b>

Nguồn: BCKT hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 VPID

## 2.2 Tình hình nợ phải trả

- Phải trả người bán:

Stt	Đối tượng	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Viện Công nghệ môi trường	181,513,000	
2	Công ty TNHH Hiệp Thành	22,737,000	
3	Công ty TNHH PFC	346,783,650	
4	Công ty TNHH Xây lắp điện và Thương mại Bình Minh	170,400,350	
5	Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Môn	123,479,550	
6	Công ty cổ p hần DV Bảo vệ Đức Thắng Hùng	66,374,000	
7	Các đối tượng khác	1,068,375,189	
	<b>Cộng</b>	<b>1,979,662,739</b>	

- Phải trả Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam: 28,049,391,000 đồng

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ban Tổng Giám đốc duy trì họp giao ban toàn thể công ty (công ty mẹ với các công ty con) một lần/tháng, để tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện trong tháng và đưa ra các biện pháp khắc phục tồn tại (nếu có) và lập kế hoạch thực hiện cho tháng tiếp theo. Ngoài ra, hàng tuần công ty mẹ và công ty con đều họp giao ban tuần và gửi báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tuần kế trước và kế hoạch thực hiện tuần tiếp theo cho HĐQT nắm được tình hình hoạt động của toàn thể công ty.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### 4.1. Định hướng năm 2021:

#### ❖ KCN Khai Quang:

- Tiếp tục thực hiện công việc đền bù GPMB nhằm có quỹ đất sạch cho thuê, tạo nguồn doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch KCN lần 7.

#### ❖ KCN Châu Sơn:

- Tập trung công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư hoàn thiện hạ tầng và đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư đạt kế hoạch năm đặt ra.

#### ❖ Công tác thu hút đầu tư:

- Tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên các nhà đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan theo chiến lược của tỉnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ưu tiên các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ (điện, điện tử, cơ khí chính xác,...).

- Chỉ tiêu cho thuê đất đặt ra năm 2021 đối với KCN Khai Quang: 1 ha ; KCN Châu Sơn từ 8-9 ha.

### 4.2. Kế hoạch tài chính năm 2021:

#### 4.2.1. Kế hoạch các chỉ tiêu chính, hoạt động kinh doanh năm 2021 hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1,260.88	1,500	19.0%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	220,4	159	-27.9%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	210,1	135	-35.8%

**4.2.2. Kế hoạch phân bổ các quỹ đối với lợi nhuận sau thuế 2021:**

STT	Diễn giải phân bổ	Tỷ lệ phân bổ %
1	Quỹ đầu tư phát triển	8
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2
3	Quỹ khen thưởng HĐQT và BDH	5
4	Quỹ chi trả cổ tức	85

**4.2.3. Kế hoạch chi trả cổ tức 2021:**

- Trả cổ tức 25% trong đó:
  - + Bằng tiền 5%
  - + Bằng cổ phiếu 20%

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

- Không có.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động đầu tư, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong lĩnh vực đầu tư và phát triển KCN.

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ. Công ty cũng đã 03 lần phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên nhằm hỗ trợ người lao động có thêm động lực làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động quyên góp, ủng hộ các quỹ cũng như các chương trình từ thiện do Tỉnh Vĩnh Phúc, Tỉnh Hà Nam phát động.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

- Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của nhiều doanh nghiệp trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, khiến nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái. Cùng với đó, do dịch bệnh diễn biến phức tạp, yêu cầu giãn cách xã hội,... đã ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng mặt bằng, từ đó ảnh hưởng tới quá trình đầu tư, thi công xây dựng cơ sở hạ tầng của Công ty.

- Chính phủ đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh. Nhưng khó khăn đối với các doanh nghiệp còn nhiều, đặc biệt về vốn hoạt động kinh doanh, chi phí sản xuất ngày càng tăng, thủ tục hành chính tuy đã được cải cách nhưng vẫn còn rất rườm rà, nặng nề.

- Nhưng do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản khu công nghiệp – nhóm ngành ít bị ảnh hưởng cùng với lợi thế về kinh nghiệm thực tiễn, lợi thế về vốn,... đã giúp Công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh do ĐHQĐ đặt ra.

**2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

- Nhìn lại năm tài chính 2020, mặc dù các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng, cho thuê đất. Nhưng Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, với những kinh nghiệm thực tiễn và lợi thế về tiềm lực tài chính đã giúp công ty hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận do ĐHQĐ đề ra, cụ thể:

+ Doanh thu thuần	: 220,4 tỷ đồng, tăng 77% so với 2019
+ Lợi nhuận sau thuế	: 210,1 tỷ đồng, tăng ~114% so với 2019
+ Tổng giá trị tài sản	: 1.260,8 tỉ đồng, tăng ~37% so với 2019
+ Vốn chủ sở hữu	: 423,7 tỉ đồng, tăng ~57% so với 2019



### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 và đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2021 và những năm tiếp theo xác định vẫn còn nhiều khó khăn. Đối với Công ty, VPID đang có lợi thế rất lớn: Bộ máy quản trị, điều hành ổn định, dày dặn kinh nghiệm, nguồn vốn tiền mặt dự trữ ngày một tăng, dòng tiền thu ổn định. HĐQT định hướng mở rộng phát triển các dự án mới trong năm 2021 và những năm tới, cụ thể:

+ Duy trì thành quả đã đạt được, phát huy năng lực nội tại, nắm bắt cơ hội đầu tư mở rộng đa lĩnh vực (ưu tiên lĩnh vực kinh doanh lõi) đạt hiệu quả ổn định để phát triển theo xu hướng bền vững.

+ Duy trì hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ và các công ty thành viên, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào KCN Châu Sơn.

+ Nghiên cứu các dự án tiềm năng trong tỉnh Vinh Phúc, các tỉnh khác như Phú Thọ, Hải Dương

+ Tiếp tục cải tiến nâng tầm bộ máy quản trị, điều hành đặc biệt về quản trị nhân lực, tiếp tục nghiên cứu cải thiện chế độ tiền lương phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế.

+ Điều chỉnh phân bổ cơ cấu nguồn lực hiện có hợp lý hơn;

+ Đảm bảo nguồn để chi trả cổ tức cho các cổ đông đều đặn trong những năm tiếp theo.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Tính đến 30/9/2020, Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 07 người có nhiệm kỳ 5 năm từ 2019 – 2024, gồm các thành viên sau:

1. Ông Trịnh Việt Dũng – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Hoàng Đình Thắng – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Lê Tùng Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4. Ông Phùng Văn Quý – Thành viên HĐQT chuyên trách
5. Bà Nguyễn Ngọc Lan – Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban kiểm toán nội bộ
6. Ông Phạm Hữu Ánh – Thành viên HĐQT độc lập
7. Ông Phạm Văn Hoanh – Thành viên HĐQT độc lập

⚡ Cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Trong 07 TV HĐQT có 06/07 thành viên HĐQT không tham gia Ban điều hành, 02/07 là thành viên HĐQT độc lập, 01/07 thành viên HĐQT chuyên trách, 01/07 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành là Tổng Giám đốc.

Trong 07 TV HĐQT có 03/07 thành viên HĐQT là cổ đông sáng lập

⚡ Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT: xem Phụ lục 1

⚡ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT:

- Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 10/09/2020 (số liệu năm 2019 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 22/11/2019), tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Năm 2019		Năm 2020		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ, %	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Trịnh Việt Dũng	CT HĐQT	1.467.898	8,79%	1.496.088	8.80%	0.01%
2	Hoàng Đình Thắng	Phó CT HĐQT	2.183.937	13,07%	2.208.118	12.99%	-0.09%
3	Lê Tùng Sơn	TV HĐQT	599.943	3,59%	631.266	3.71%	0.12%
4	Phùng Văn Quý	TV HĐQT	545.522	3,27%	495.967	2.92%	-0.35%
5	Nguyễn Ngọc Lan	TV HĐQT	13.743	0,08%	28.050	0.16%	0.08%

6	Phạm Hữu Ánh	TV HĐQT độc lập	289	0,00%	6.586	0.04%	0.04%
7	Phạm Văn Hoanh	TV HĐQT độc lập	-	0,00%	20.297	0.12%	0.12%
<b>Tổng</b>			<b>4.811.332</b>	<b>28,80%</b>	<b>4,886,372</b>	<b>28.74%</b>	

### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tính đến thời điểm 30/9/2020, HĐQT hiện có 3 tiểu ban trực thuộc là Ban nghiên cứu đầu tư, Ban kiểm soát nội bộ và Ban đầu tư tài chính, 02 tiểu ban này có cơ cấu thành viên như sau:

TT	Tên tiểu ban	Trưởng tiểu ban	Thành viên
1	Tiểu Ban nghiên cứu đầu tư	Ông Phùng Văn Quý	
2	Tiểu Ban kiểm toán nội bộ	Bà Nguyễn Ngọc Lan	Ông Nguyễn Mạnh Hà
3	Tiểu Ban đầu tư tài chính	Ông Văn Phụng Hà	Bà Nguyễn Ngọc Lan Ông Phạm Văn Hoanh

### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2020 đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHCĐ.

- HĐQT đã duy trì tổ chức họp thường kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường.

- HĐQT đã tham gia các buổi họp giao ban của Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) hàng tháng để nắm bắt tình hình công việc đã thực hiện tháng trước và định hướng các công việc cho Ban TGD thực hiện tháng tiếp theo.

- HĐQT cũng giám sát các công việc triển khai của Ban TGD hàng tuần thông qua các báo cáo nhanh hàng tuần gửi cho các TV HĐQT để có ý kiến đóng góp cho kế hoạch thực hiện (nếu thấy cần thiết).

- Ngoài ra, HĐQT cũng sát sao chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, tổ chức công bố thông tin thường kỳ và bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Chỉ đạo nghiên cứu và làm việc với một số tỉnh để thành lập dự án đầu tư mới.

- Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành họp 21 phiên và phê duyệt các nội dung cụ thể như sau:

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
2210a./19/NQ-HĐQT/IDV	21/10/2019	V/v: Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
2210b/19/NQ-HĐQT/IDV	21/10/2019	V/v: Thông qua phương án chi tạm ứng trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 15%
2810/19/NQ-HĐQT/IDV	28/10/2019	V/v Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
2810.1/19/NQ-HĐQT/IDV	28/10/2019	V/v Phê duyệt hạn mức cho vay đối với công ty CP đầu tư và xây dựng số 18
2810.2/19/NQ-HĐQT/IDV	28/10/2019	V/v Phê duyệt nội dung tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020
0711/19/NQ-HĐQT/IDV	7/11/2019	V/v: Ban hành quy chế Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản
0711.1/19/NQ-HĐQT/IDV	7/11/2019	V/v: Ban hành Quy trình lựa chọn nhà thầu
0711.2/19/NQ-HĐQT/IDV	7/11/2019	V/v: Thông qua chủ trương góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Trung Anh
0612.1/19/NQ-HĐQT/IDV	6/12/2019	V/v Thông qua cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III

		Tỉnh.Hà Nam
0612.2/19/NQ-HĐQT/IDV	6/12/2019	V/v Thông qua cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty CP VPID Vĩnh Phúc
0612.3/19/NQ-HĐQT/IDV	6/12/2019	V/v Thông qua cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty CP phát triển hạ tầng Phú Thành
0612.4/19/NQ-HĐQT/IDV	6/12/2019	V/v Thông qua cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty CP Trung Anh
0612.5/19/NQ-HĐQT/IDV	6/12/2019	V/v Thông qua cử nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty CP VPID Vĩnh Phúc
0612.5/19/NQ-HĐQT/IDV	6/12/2019	V/v Thông qua cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty CP VPID Vĩnh Phúc
0612.7/19/NQ-HĐQT/IDV	6/12/2019	V/v Thông qua cử nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III Tỉnh Hà Nam
0812/19/NQ-HĐQT/IDV	8/12/2019	V/v Thù lao HĐQT và các tiểu ban trực thuộc
2412/19/NQ-HĐQT/IDV	24/12/2019	V/v Phê duyệt thiết kế và tổng dự toán công trình
2412.1/20/NQ-HĐQT/IDV	24/12/2019	V/v Phê duyệt đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Vị trí 2-KCN Châu Sơn mở rộng – Phường Lê Hồng Phong – thành phố Phủ Lý – tỉnh Hà Nam
1401/20/NQ-HĐQT/IDV	14/1/2020	V/v Trích thưởng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2019
1401.1/20/NQ-HĐQT/IDV	14/1/2020	V/v sửa đổi bổ sung quy chế quy định tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động trong Công ty
1401.2/20/NQ-HĐQT/IDV	14/1/2020	V/v Xử lý tồn đọng công nợ đối với Công ty CP Phú Thành
1401.3/20/NQ-HĐQT/IDV	14/1/2020	V/v phân cấp thẩm quyền và hạn mức phê duyệt đầu tư, mua bán tài sản, dịch vụ ngoài đối với Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty trực thuộc
1102/20/NQ-HĐQT/IDV	11/2/2020	V/v Chỉ định thầu rút gọn công trình xây dựng cơ bản
1902/20/ NQ-HĐQT/IDV	19/2/2020	V/v Lựa chọn công ty Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ tài chính 2020
1902.1/20/ NQ-HĐQT/IDV	19/2/2020	V/v Phê duyệt hồ sơ thành lập CCN Hồng Đức, hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Hồng Đức – huyện Ninh Giang – tỉnh Hải Dương
0203/20/ NQ-HĐQT/IDV	2/3/2020	V/v Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2020 (ESOP 2020)
1903/2020/ NQ-HĐQT/IDV	19/3/2020	V/v Phê duyệt phương án điều chỉnh quy hoạch mở rộng KCN Khai Quang
1903.1/2020/ NQ-HĐQT/IDV	19/3/2020	V/v Phê duyệt danh sách và số lượng cổ phiếu phân phối theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty từ nguồn cổ phiếu quỹ
1903.2/2020/ NQ-HĐQT/IDV	19/3/2020	V/v Phê duyệt chủ chương thoái vốn tại Công ty CP văn hóa Bình An
1903.3/2020/ NQ-HĐQT/IDV	19/3/2020	V/v Chỉ định thầu
2503/2020/ NQ-HĐQT/IDV	25/3/2020	V/v Phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty CP du lịch văn hóa Bình An
3103/2020/ NQ-HĐQT/IDV	31/3/2020	V/v phê duyệt phương án thiết kế và giá trị dự



		toán công trình
3103.1/2020/ NQ-HĐQT/IDV	31/3/2020	V/v Phê duyệt thiết kế và dự toán công trình xây dựng hạ tầng KCN Châu Sơn – phường Châu Sơn – thành phố Phủ Lý – tỉnh Hà Nam (KCN Châu Sơn cũ diện tích 115,3ha)
0304/2020/ NQ-HĐQT/IDV	3/4/2020	V/v Phê duyệt phương án đầu tư tài chính
1004/2020/ NQ-HĐQT/IDV	10/4/2020	V/v Phê duyệt phương án mua cổ phần tại Công ty CP phát triển hạ tầng Phú Thành
0405/2020/ NQ-HĐQT/IDV	4/5/2020	V/v thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền với tỉ lệ 15%
1305/2020/ NQ-HĐQT/IDV	13/5/2020	V/v Chỉ định thầu
1305.1/2020/ NQ-HĐQT/IDV	13/5/2020	V/v Xử lý công nợ
1305.2/2020/ NQ-HĐQT/IDV	13/5/2020	V/v Phương án giải ngân vốn vay cho Công ty CP đầu tư xây dựng số 18
1305.3/2020/ NQ-HĐQT/IDV	13/5/2020	V/v Điều chỉnh thu nhập của Kế toán trưởng
1305.4/2020/ NQ-HĐQT/IDV	13/5/2020	V/v Tăng hệ số lương, điều chỉnh tổng thu nhập của Phó TGD kiêm Giám đốc VPID Hà Nam
1305.5/2020/ NQ-HĐQT/IDV	13/5/2020	V/v Điều chỉnh thu nhập của Phó TGD Công ty
1305.6/2020/ NQ-HĐQT/IDV	13/5/2020	V/v Ủy quyền cho Tổng giám đốc
1305.7/2020/ NQ-HĐQT/IDV	13/5/2020	V/v Giao việc cho Phó Tổng giám đốc
2705/2020/ NQ-HĐQT/IDV	27/5/2020	V/v Phê duyệt hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Lô 2 – Huyện Sông Lô – tỉnh Vĩnh Phúc
2307/2020/ NQ-HĐQT/IDV	23/7/2020	V/v Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 9 tháng năm tài chính 2020 và kế hoạch cả năm tài chính 2020
2307.1/2020/ NQ-HĐQT/IDV	23/7/2020	V/v Đầu tư tiếp tục vào Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 ( Ligogi 18)
2307.2/2020/ NQ-HĐQT/IDV	23/7/2020	V/v Phương án cải tạo, xây dựng Tâm Viên Tự
1008/2020/ NQ-HĐQT/IDV	10/8/2020	V/v Phê duyệt phương án và nội dung xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bán cổ phiếu quỹ của công ty
1808/2020/ NQ-HĐQT/IDV	18/8/2020	V/v Phê duyệt phương án bán cổ phiếu Công ty CP Lilama 45.3 – mã cổ phiếu: L43
1009/2020/ NQ-HĐQT/IDV	10/9/2020	V/v Chỉ định nhà thầu tư vấn hạng mục: Kiểm định chất lượng hiện trạng tòa nhà Trụ sở văn phòng công ty
2809/2020/ NQ-HĐQT/IDV	28/9/2020	V/v Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam
2809.1/2020/ NQ-HĐQT/IDV	28/9/2020	V/v Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam
2809.2/2020/ NQ-HĐQT/IDV	28/9/2020	V/v Thông qua cử nhân sự tham gia Ban điều hành Công ty cổ phần KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam
2809.3/2020/ NQ-HĐQT/IDV	28/9/2020	V/v Bổ nhiệm Phó tổng giám đốc
2809.4/2020/ NQ-HĐQT/IDV	28/9/2020	V/v Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Thư ký HĐQT, người công bố thông tin của công ty

2809.5/2020/ NQ-HĐQT/IDV	28/9/2020	V/v Tham gia góp vốn, cử đại biểu tham gia HĐQT, cử nhân sự tham gia Ban điều hành Công ty CP đầu tư phát triển VL chuẩn bị thành lập
3009/2020/ NQ-HĐQT/IDV	30/9/2020	V/v Phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ

#### 1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Công ty hiện có 02/07 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- Với vai trò của mình, trong năm 2020 các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia/ủy quyền tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia hoạt động tại các tiểu ban theo phân công nhiệm vụ.

#### ❖ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT hoạt động theo các nguyên tắc rõ ràng và cụ thể được quy định trong Quy chế hoạt động của từng tiểu ban.

- Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ (TBKTNB): Được thành lập từ ngày 09/01/2019 với mục tiêu Kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện các rủi ro, các điểm còn hạn chế trong hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

- Tiểu Ban nghiên cứu đầu tư (TBNCĐT): TBNCĐT thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu thông tin và lập bài toán kinh tế tài chính đánh giá hiệu quả dự án đầu tư mà Công ty dự kiến đầu tư.

- Tiểu Ban đầu tư tài chính (TBĐTTC): Được thành lập từ ngày 03/05/2019 với mục tiêu tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính trên thị trường nhằm gia tăng hiệu quả nguồn vốn của Công ty.

#### 1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không

#### 2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

##### 2.1. Lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban TGD:

- Việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm trong hạn mức đã được ĐHCĐ phê duyệt năm 2020. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, lương, các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo phù hợp Điều lệ, các quy định nội bộ của VPID về lương/đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.

- Thù lao của HĐQT và các tiểu Ban trực thuộc HĐQT: 1,62 tỷ đồng

- Lương, thù lao của Ban Tổng giám đốc được nhận năm qua theo Quy chế trả lương của Công ty do HĐQT quyết định, ngoài ra Ban TGD không có thêm bất cứ khoản lợi ích nào khác: 2,2 tỷ đồng

- Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích không thể lượng hoá bằng tiền: không có

##### 2.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người liên quan đến cổ đông nội bộ và cổ đông lớn

TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/Người có liên quan/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, cổ tức...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phùng Văn Quý	Thành viên HĐQT	545.522	3.27%	495.967	2.92%	Tăng do nhận Esop, giảm do nhu cầu cá nhân
2	Phạm Trung Kiên	Phó TGD	38.567	0.23%	42.749	0.25%	Tăng do nhận Esop, giảm do nhu cầu cá nhân
3	Phùng Tiến Nghĩa	Em trai Thành Viên HĐQT	2.336	0.01%	2.367	0.01%	Tăng do nhận Esop, giảm do nhu cầu cá nhân
4	Phùng Văn Thú	Anh trai Thành	62.395	0.37%	40.395	0.24%	giảm do nhu cầu cá nhân

		viên HĐQT					
5	Phạm Hữu Ánh	Thành viên HĐQT	289	0.00%	6.586	0.04%	Tăng do nhận Esop, giảm do nhu cầu cá nhân
6	Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên HĐQT, Phó TGD	13.743	0.08%	26.550	0.16%	Tăng do nhận Esop, giảm do nhu cầu cá nhân
7	American LLC	Cổ đông lớn	2.048.019	12.26%	2.417.019	14.21%	Tăng tỷ lệ sở hữu

### 2.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Không có)

- Trong năm qua cổ đông nội bộ và những người liên quan không có giao dịch gì (hợp đồng, hoặc giao dịch khác đã được ký kết) với công ty và các công ty con.

### 2.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của các cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, cho người lao động và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

- Thời gian công bố thông tin các Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị công ty như sau:

Thời điểm	Loại Báo cáo	Chưa soát xét	Đã soát xét/Kiểm toán
Quý 1	BCTC công ty mẹ	17/01/2020	
Quý 1	BCTC hợp nhất	17/01/2020	
Quý 2	BCTC công ty mẹ	21/04/2020	
Quý 2	BCTC hợp nhất	21/04/2020	
Bán niên	BCTC công ty mẹ đã soát xét		24/04/2020
Bán niên	BCTC hợp nhất đã soát xét		24/04/2020
Quý 3	BCTC công ty mẹ	18/07/2020	
Quý 3	BCTC hợp nhất	18/07/2020	
Bán niên	BC quản trị công ty Bán niên	30/07/2020	
Quý 4	BCTC công ty mẹ	21/10/2020	
Quý 4	BCTC hợp nhất	21/10/2020	
Cả năm	BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán		27/10/2019
Cả năm	BCTC hợp nhất đã kiểm toán		27/10/2019

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

### ❖ Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc tại ngày 30/09/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

(Báo cáo tài chính được Kiểm toán năm 2020- AISC)

### ❖ Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết

minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải trên Website: <http://www.vpid.vn>, được công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán và thông tư Thông tư 155/2015/TT-BTC (đã công bố thông tin trên trang điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCK Nhà Nước) và được lưu tại trụ sở chính Công ty. (Chi tiết tại phụ lục 2)

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 11 năm 2020

**T/M. CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ TÙNG SƠN**

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT; BKTNB
- website: [www.vpid.vn](http://www.vpid.vn)
- Lưu VT

## Phụ Lục 1

### Lý lịch của các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành

#### ✦ Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT:

HĐQT có 01 thành viên tham gia Ban Tổng Giám đốc nên lý lịch 01 thành viên này được nêu tại phần lý lịch của Ban điều hành, các thành viên còn lại như sau:

#### **Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: **Trịnh Việt Dũng**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 15/02/1958  
Nơi sinh: Hà Nội  
CMND: 012375667 Ngày cấp: 29/09/2002 Nơi cấp: CA Hà Nội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 47 Hàng Đào – Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật  
Quá trình công tác:  
+ Năm 1975 – 1980: Học tại Đại học Bách khoa Hà Nội;  
+ Năm 1984 – 1987: Công tác tại Viện kỹ thuật nhiệt đới – Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam;  
+ Năm 1988 – 1999: Làm nghiên cứu sinh tại Cộng hòa Séc;  
+ Năm 1999 – Nay: Làm kinh doanh tại Cộng hòa Séc – Nguyên là Chủ tịch hội doanh nghiệp Việt Nam tại Cộng hòa Séc;  
+ Tháng 6/2009 – 8/2010: giữ chức CT HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;  
+ Tháng 8/2010 – 10/2013: là Ủy viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.  
+ Từ tháng 11/2013 đến nay là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng VP  
Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

#### **IPhó Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: **Hoàng Đình Thắng**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 05/01/1959  
Nơi sinh: Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phúc  
CMND: 013423332 Ngày cấp: 26/05/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: Phòng 2 Tầng 7 Nhà E1 KĐT Ciputra, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện hóa

Quá trình công tác:

- + 1980-1988: Giáo viên Trường Cao đẳng Hóa chất
- + 1988-1992: Cán bộ kỹ thuật, Nhà máy sứ Teplice
- + 1992-1999: Giám đốc công ty HANT
- + 1999 đến nay: Tổng giám đốc TTTM Sapa
- + 2003-2016: Chủ tịch Hội Người Việt Nam tại CH Séc
- + 2009-2014: Ủy viên Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + 2014 đến nay: Ủy viên Đoàn chủ tịch, Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + 12/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + 2016 đến nay : Chủ tịch Liên Hiệp các Hội người Việt Nam tại châu Âu
- + 06/2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

#### ***Thành viên HĐQT:***

Họ và tên	<b>Phùng Văn Quý</b>
Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/9/1958
Nơi sinh	Hội Hợp, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
CMND	135390168 Ngày cấp: 07/02/2006, Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	116 Quán Tiên, Hội Hợp, TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế

*Quá trình công tác:*

- + Năm 1980 Công tác tại Viện luyện kim màu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);
- + Năm 1981 – 1983 Đi bộ đội;
- + Năm 1984 – 1985 Công tác tại Viện luyện kim màu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);
- + Năm 1986 – 2000 Học và làm việc tại Liên bang Nga (Liên Xô cũ);
- + Năm 2001 – 2003 Công tác tại Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương;
- + Năm 2003 đến tháng 8/2006: Làm việc tại Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2011: phó TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ 4/2011 đến 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ 05/2016: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban nghiên cứu đầu tư Công ty CP Phát triển hạ

tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

***Thành viên HĐQT:***

Họ và tên:	<b>Nguyễn Ngọc Lan</b>		
Giới tính:	Nữ		
Ngày sinh:	18/10/1984		
Nơi sinh:	Hòa Bình		
CMND:	013265231	Ngày cấp: 15/01/2010	Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam		
Dân tộc:	Kinh		
Địa chỉ thường trú:	Tổ 17 Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội		
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế		

Quá trình công tác:

- + 8/2006 - 7/2007: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS)
- + 8/2007 – 5/2011: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC)
- + 5/2011 – 12/2013: Công tác tại Khối chiến lược và Phát triển Ngân hàng – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
- + 1/2014 – nay: Công tác tại Phòng chiến lược - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)
- + 3/2012 – T1/2019: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + T1/2019 – nay: Thành viên HĐQT/Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT/Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chuyên gia Phòng chiến lược – Ngân hàng TMCP Quân đội
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

***Thành viên HĐQT:***

Họ và tên:	<b>Phạm Hữu Ánh</b>		
Giới tính:	Nam		
Ngày sinh:	24/08/1965		
Nơi sinh:	Bệnh viện Hà Đông, Hà Nội		
CMND:	001065013305	Ngày cấp: 21/05/2018	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam		
Dân tộc:	Kinh		

Địa chỉ thường trú: 112D tập thể 3 tầng, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

- + 1996-2001: Học tập và làm việc tại Nga
- + 2002-2004: Nhân viên Công ty TNHH LT
- + 2004-2005: Phó Giám đốc Công ty TNHH LT
- + 2006-2010: Giám đốc Công ty TNHH LT
- + 2010- nay: lao động tự do

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

#### ***Thành viên HĐQT:***

Họ và tên: **Phạm Văn Hoanh**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 31/08/1983

Nơi sinh: Quảng Nam

CMND: 205089627 Ngày cấp: 27/06/2018 Nơi cấp: Công an Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 2006K-B3, Chung cư Đức Khải, 14B Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

- + 2006-2007: Kỹ sư Công nghệ - Công ty hóa dầu TPC Vina, Đồng Nai
- + 2007-2008: Kỹ sư Công nghệ - Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Quảng Ngãi
- + 2008-nay: Kỹ sư Dầu khí, Công ty dầu khí liên doanh Điều hành chung Cửu Long, Hồ Chí Minh
- + 2016-nay: Giám đốc Công ty TNHH TOPSTOCK

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty tư vấn đầu tư Tăng Trưởng Việt

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có





**✦ Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng:**

**Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

Họ và tên: **Lê Tùng Sơn**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 07/03/1957  
Nơi sinh: Sơn Tây, Hà Nội  
CMND: 001057007980, Ngày cấp: 23/11/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 463/17/6 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy công trình  
Quá trình công tác:  
+ Năm 1974 – 1979: Học tại Học viện kỹ thuật quân sự;  
+ Năm 1980 – 2007: Công tác tại Bộ tư lệnh công binh, Bộ Quốc phòng;  
+ Năm 2007 – 30/5/2011: là TV HĐQT kiêm P. TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;  
+ Từ 01/6/2011 đến nay: là TV HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.  
+ Từ 05/2016 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.  
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

**Phó Tổng giám đốc:**

Họ và tên: **Nguyễn Anh Đệ**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 11/08/1977  
Nơi sinh: Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội  
CMND: 011809881 Ngày cấp: 04/08/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: Số 11 ngách 14 ngõ 639 Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân tài chính kế toán  
Quá trình công tác:  
Năm 1995 – 2000: Học Đại học thương mại  
Năm 2000 – 2006: Công ty liên doanh máy xây dựng Việt Nam – Uraltrac  
Năm 2008 – 2016: Công ty CP thủy điện Trung Thu  
Năm 2009 – 2016: Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ cao Hòa Bình

Năm 2016 – nay: Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc  
Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGD – Thư ký HĐQT – Người công bố thông tin  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Thủy điện Trung Thu  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

***Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam:***

Họ và tên: **Phạm Trung Kiên**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 26/02/1978  
Nơi sinh: Hội Hợp – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc  
CMND: 135602296 Ngày cấp: 27/07/2009 Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: Số nhà 147 đường Ngô Quyền-Phủ Lý-Hà Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác:  
Năm 2000 – 2004: Học Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội;  
Năm 2004 – 2005: Công tác tại Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;  
Năm 2006 – 4/2011: Giám đốc Công ty CP Xây dựng và thương mại Vĩnh Sơn;  
Tháng 5/2011 – tháng 4/2017: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam;  
Tháng 5/2017 – nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam.  
Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

***Kế toán trưởng***

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hoàn**  
Giới tính: Nữ  
Ngày sinh: 08/08/1983  
Nơi sinh: Bồ Lý, Tam Đảo, Vĩnh Phúc  
CMND: 135148406 Ngày cấp: 30/03/2011, Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: Khu HC15, Phường Liên Bảo, Tp. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác:



- + Tháng 11 năm 2005-2008: kế toán thủ quỹ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Năm 2009: Kế toán thuế kiêm kế toán thanh toán tại Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Năm 2010: Kế toán thuế kiêm kế toán thanh toán tại Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Năm 2011: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc; Kế toán Ban thường trực Hội doanh nghiệp Đầu Tư Nước Ngoài tỉnh Vĩnh Phúc.
- + Năm 2012: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc; Kế toán Ban thường trực Hội doanh nghiệp Đầu Tư Nước Ngoài tỉnh Vĩnh Phúc; Giám đốc Công ty TNHH TM và DV Tùng Hải.

+ Từ 11/2013 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty CP Phát triển hạ Tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:

Kế toán trưởng Công ty

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TM và DV Tùng Hải

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không có

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

**Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/09/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	9/30/2020 VND	10/1/2019 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>582,447,008,299</b>	<b>438,481,358,605</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6,231,164,072</b>	<b>14,733,282,345</b>
Tiền	111		3,231,164,072	14,733,282,345
Các khoản tương đương tiền	112		3,000,000,000	0
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>461,114,646,692</b>	<b>342,045,594,902</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		6,444,825,615	5,721,055,321
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(884,787,885)	(953,942,885)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		455,554,608,962	337,278,482,466
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38,923,334,561</b>	<b>43,119,790,130</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10,011,010,366	11,554,164,517
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6,094,942,462	8,505,667,973
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	11,500,000,000	11,500,000,000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	14,252,997,999	11,559,957,640
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2,935,616,266)	0
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>71,424,254,946</b>	<b>32,621,884,902</b>
Hàng tồn kho	141		71,424,254,946	32,621,884,902
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,753,608,028</b>	<b>5,960,806,326</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	163,529,096	289,600,032
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,590,078,932	5,671,206,294
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>678,435,436,542</b>	<b>482,642,637,237</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>188,753,110,855</b>	<b>114,240,387,685</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	73,200,000,000	0
Phải thu dài hạn khác	216	V.6	115,553,110,855	114,240,387,685
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>84,251,147,444</b>	<b>48,611,780,342</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	84,251,147,444	48,611,780,342
- Nguyên giá	222		129,971,974,533	84,657,469,175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45,720,827,089)	(36,045,688,833)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.9</b>	<b>38,567,410,179</b>	<b>73,421,710,140</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38,567,410,179	73,421,710,140
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>238,438,091,717</b>	<b>166,734,530,027</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		166,081,884,987	94,119,754,467
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		70,494,775,560	69,614,775,560
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1,861,431,170	3,000,000,000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>128,425,676,348</b>	<b>79,634,229,043</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	127,327,754,328	79,592,896,166
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,097,922,019	41,332,877
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,260,882,444,841</b>	<b>921,123,995,842</b>

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>9/30/2020 VND</b>	<b>10/1/2019 VND</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>837,129,715,222</b>	<b>651,101,885,263</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>135,956,965,229</b>	<b>92,103,362,956</b>
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	1,979,662,739	15,806,374,966
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	7,396,158,175	4,214,944,979
Phải trả người lao động	314		1,179,126,480	1,412,849,774
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	65,688,068,720	3,290,555,007
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14.a	24,487,304,122	19,831,608,240
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	14,844,103,515	32,094,333,343
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.a	4,600,000,000	0
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		590,382,011	437,344,674
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15,192,159,467	15,015,351,973
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>701,172,749,993</b>	<b>558,998,522,307</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14.b	677,723,358,993	546,862,822,307
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.b	23,449,391,000	12,135,700,000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>423,752,729,619</b>	<b>270,022,110,579</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>423,752,729,619</b>	<b>270,022,110,579</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		183,513,510,000	183,513,510,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		183,513,510,000	183,513,510,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		0	349,075,000
Cổ phiếu quỹ	415		(18,637,508,838)	(22,787,408,838)
Quỹ đầu tư phát triển	418		32,894,059,347	19,713,414,295
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		224,246,316,218	89,233,520,122
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		133,058,049,216	13,904,727,144
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		91,188,267,002	75,328,792,978
	429		1,736,352,892	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b><u>1,260,882,444,841</u></b>	<b><u>921,123,995,842</u></b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01	220,409,914,409	124,523,774,684
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	220,409,914,409	124,523,774,684
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	70,128,816,718	30,062,426,335
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <b>(20 = 10 - 11)</b>		<b>20</b>	<b>150,281,097,691</b>	<b>90,461,348,349</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	41,267,832,377	36,234,423,214
Chi phí tài chính	22	VI.5	718,129,163	(841,306,494)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	563,926,574	172,424,210
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		64,873,104,354	413,957,779
Chi phí bán hàng	25	VI.6a	4,757,347,754	1,307,546,563
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	17,286,343,164	13,283,904,558
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>		<b>30</b>	<b>233,660,214,341</b>	<b>117,359,584,715</b>
Thu nhập khác	31	VI.7	976,187,147	2,687,421,128
Chi phí khác	32	VI.8	1,048,369,496	7,124,846,274
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>		<b>40</b>	<b>(72,182,349)</b>	<b>(4,437,425,146)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>		<b>50</b>	<b>233,588,031,992</b>	<b>112,922,159,569</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	24,502,619,300	14,654,580,527
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(1,056,589,142)	(102,408,475)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>		<b>60</b>	<b>210,142,001,834</b>	<b>98,369,987,517</b>
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		210,288,648,942	98,369,987,517
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(146,647,108)	0
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	11,785	5,478

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>233,588,031,992</b>	<b>112,922,159,569</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11,021,450,087	8,000,527,257
- Các khoản dự phòng	03	2,866,461,266	(997,606,774)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	98,320	(2,752)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(41,101,205,407)	(36,648,378,241)
- Chi phí lãi vay	06	563,926,574	172,424,210
- Các khoản điều chỉnh khác	07	678,024,822	0
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD</i>	<b>08</b>	<b>207,616,787,654</b>	<b>83,449,123,269</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1,029,243,495	(63,840,505,227)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(38,802,370,044)	15,784,692,481
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	153,078,631,033	85,015,016,187
(Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(47,058,525,416)	(5,338,570,676)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(723,770,294)	0
- Tiền lãi vay đã trả	14	(563,926,574)	(172,424,210)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21,353,062,099)	(12,770,435,313)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7,555,431,927)	(5,533,095,563)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>245,667,575,828</b>	<b>96,593,800,948</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(42,253,177,536)	(60,380,842,252)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	11,363,636	0
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(786,317,126,496)	(618,898,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	595,979,568,830	658,226,780,822
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28,997,000,000)	(105,702,760,400)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	880,000,000	0
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41,175,228,158	33,973,711,350
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(219,521,143,408)</b>	<b>(92,781,110,480)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	(992,000)
Tiền thu từ đi vay	33	17,063,691,000	253,124,450,000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,150,000,000)	(240,988,750,000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50,562,143,373)	(47,726,785,616)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(34,648,452,373)</b>	<b>(35,592,077,616)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(8,502,019,953)</b>	<b>(31,779,387,148)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>14,733,282,345</b>	<b>46,512,666,741</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(98,320)	2,752
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6,231,164,072</b>	<b>14,733,282,345</b>

